

Số: *612* /QĐ - SYT

Hà Giang, ngày *02* tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu
Gói thầu số 05: Gói thầu Vật tư y tế tiêu hao.

Thuộc dự án: Cung ứng thuốc - vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ GIANG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Cung ứng thuốc-vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021”;

Căn cứ đề nghị của Tổ thẩm định tại biên bản họp ngày 31/7/2019 về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc dự án: Cung ứng thuốc - vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 05: Gói thầu Vật tư y tế tiêu hao đã được phê duyệt tại Quyết định số 566/QĐ-SYT ngày 19/7/2019 (có phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo).

Lý do sửa đổi, bổ sung: Sơ suất trong việc soạn thảo, in ấn hồ sơ mời thầu.

Điều 2. Căn cứ nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Đơn vị mua thuốc tập trung tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này được thực hiện theo hồ sơ mời thầu đã ban hành tại Quyết định số 566/QĐ-SYT ngày 19/7/2019 của Giám đốc Sở Y tế Hà Giang.

Điều 3. Đơn vị mua thuốc tập trung, Tổ thẩm định, các cá nhân và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Đăng Website SYT;
- Lưu: VT, NVD.

KOH

GIÁM ĐỐC



Lương Viết Thuận

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO
(Kèm theo Quyết định số 612/QĐ-SYT ngày 02/8/2019 của Sở Y tế Hà Giang)

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
18	G5.018			ISO 13485:2012 + AC: 2012 (TUV Số Q2N 160840726011); EC (TUV Số G1 160624213125); FSC			ISO 13485:2012 + AC: 2012 ; EC, FSC
68	G5.068			HuaiyinStar			ISO; CE
69	G5.069			HuaiyinStar			ISO; CE
70	G5.070			HuaiyinStar			ISO; CE
71	G5.071			HuaiyinStar			ISO; CE
72	G5.072			HuaiyinStar			ISO; CE
136	G5.136	Chi tiêu tổng hợp Surgicryl 910 số 1 - Kim tròn 1/2, kim 40mm	Kích thước dài 90cm, kim 40mm, tròn 1/2 C. loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chi Surgicryl 910 đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng		Chi tiêu tổng hợp số 1	Kích thước dài 90cm, kim 40mm, tròn 1/2 C. loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid- co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chi tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	
137	G5.137	Chi tiêu tổng hợp Surgicryl 910 số 2 - Kim tròn 1/2, kim 40mm	Kích thước 90cm, kim tròn 1/2C, kim 40mm. loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chi Surgicryl 910 đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	Page 1	Chi tiêu tổng hợp số 2	Kích thước 90cm, kim tròn 1/2C, kim 40mm. loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid- co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chi tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	

KOR

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
138	G5.138	Chỉ tiêu tổng hợp Surgicryl 910 số 2/0 - Kim tròn 1/2, kim 26mm	Kích thước 75cm, kim 26mm, tròn 1/2C. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ Surgicryl 910 đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.		Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Kích thước 75cm, kim 26mm, tròn 1/2C. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	
139	G5.139	Chỉ tiêu tổng hợp Surgicryl 910 số 3/0 - Kim tròn 1/2, kim 26mm	Kích thước dài 75cm, kim 26mm, tròn 1/2 C. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ Surgicryl 910 đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.		Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Kích thước dài 75cm, kim 26mm, tròn 1/2 C. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	
140	G5.140	Chỉ tiêu tổng hợp Surgicryl 910 số 4/0 - Kim tròn 1/2, kim 22mm	Kích thước dài 75cm, kim tròn 1/2 C, kim 22 mm. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ Surgicryl 910 đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.		Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Kích thước dài 75cm, kim tròn 1/2 C, kim 22 mm. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	
141	G5.141	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0 Rapid (Surgicryl PGA Rapid) - Kim tròn 1/2, kim 36mm	Kích thước dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim 36mm. Chỉ Surgicryl PGA tiêu nhanh, chỉ sẽ mất sức căng 50% sau 7 ngày cấy ghép và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày. Thích hợp sử dụng để khâu cho các vùng mô mềm ở gần bề mặt da và niêm mạc, bao gồm trong phẫu thuật mắt, sản khoa, phụ khoa, tiết niệu, phẫu thuật và tạo hình và nhi khoa.	Page 2	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0 Rapid	Kích thước dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim 36mm. Chỉ tiêu nhanh, chỉ sẽ mất sức căng 50% sau 7 ngày cấy ghép và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày. Thích hợp sử dụng để khâu cho các vùng mô mềm ở gần bề mặt da và niêm mạc, bao gồm trong phẫu thuật mắt, sản khoa, phụ khoa, tiết niệu, phẫu thuật và tạo hình và nhi khoa.	

KON

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
148	G5.148	DemeSORB TM Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic các số: 2/0,3/0,4/0		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic các số: 2/0,3/0,4/0		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 , FDA
149	G5.149	DemeSORB TM Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA)		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA)		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012; FDA
150	G5.150	DemeSORB TM Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA)		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA)		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 , FDA
151	G5.151	DemeSORB TM Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic số 1		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic số 1		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012; FDA
152	G5.152	DemeGUT TM Chỉ phẫu thuật Chromic Cutgut các số		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật Chromic Cutgut các số		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 ; FDA ;
153	G5.153	DemeLON TM Chỉ phẫu thuật Nylon đơn sợi		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật Nylon đơn sợi		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA
154	G5.154	DemeLON TM Chỉ phẫu thuật Nylon đơn sợi các số: 2/0,3/0,4/0		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 291660 MP2012, FDA 10330-9- 2016	Chỉ phẫu thuật Nylon đơn sợi các số: 2/0,3/0,4/0		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012;FDA

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
159	G5.159			Giấy chứng nhận EN ISO 13485:2012/AC:20 12 số: Q1N13122570105 0 GPNK: 6817/BYT- TB-CT ngày 14/9/2015			EN ISO 13485:2012/AC:20 12
178	G5.178	Dây truyền dịch Hanaco cánh bướm	Có kết nối cao su để tiêm khi cần thiết. <input type="checkbox"/> Có màng lọc dịch, đuôi khí bằng tay, khoá bằng tay khi hết dịch • Chiều dài của dây: 1800mm • Sử dụng kim thường G21x1½ inch (hoặc kim th-êng 22Gx1inch, hoặc kim cánh bướm 23G). • Khử trùng bằng khí EO		Dây truyền dịch cánh bướm	Có kết nối cao su để tiêm khi cần thiết. <input type="checkbox"/> Có màng lọc dịch, đuôi khí bằng tay, khoá bằng tay khi hết dịch • Chiều dài của dây: 1800mm • Sử dụng kim thường G21x1½ inch (hoặc kim thường 22Gx1inch, hoặc kim cánh bướm 23G). • Khử trùng bằng khí EO	
205	G5.205			EN ISO 13485:2016, EC ,TUV CF:Q50448773004 0 Rev			EN ISO 13485:2016, EC, TUV; CF
206	G5.206			Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, EC G2S 17 04 99261 003			Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, EC
207	G5.207			EN ISO 13485:2016, EC ,TUV CF:Q50448773004 0 Rev			EN ISO 13485:2016, EC,TUV;CF
210	G5.210			Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, EC G2S 17 04 99261 003			Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016,

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
213	G5.213		Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3) Độ dày đầu ngón tay (0.11mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.10mm ± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ đàn hồi tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Hiệu HP Glove, Nhãn hiệu găng đã được đăng ký với Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Cục sở hữu trí tuệ.	Tiêu chuẩn chất lượng AQL: 1.5, GMP; EC G2 15 02 557 29 008, FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012+AC:2 012; ISO 14001:2004		Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3) Độ dày đầu ngón tay (0.11mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.10mm ± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ đàn hồi tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² .	Tiêu chuẩn chất lượng AQL: 1.5, GMP; EC; FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012+AC:2 012; ISO 14001:2004
215	G5.215		Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính (thành phần chính là bột ngô biến tính, loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn được điển Mỹ "USP"). Dùng được cho cả tay trái và tay phải.			Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính (thành phần chính là bột ngô biến tính, loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ). Dùng được cho cả tay trái và tay phải.	
216	G5.216	Găng tay khám bệnh Max-Bold			Găng tay khám bệnh		
217	G5.217	Găng tay khám TT-Medimax (có bột chống dính) size S, M, L	- Chiều ngang lòng bàn tay (± 3mm): Size XS: 76mm, S: 84mm, M: 94mm, L: 105mm, XL: 113 - Độ dày: Ngón tay: 0,10mm ± 0.02, lòng bàn tay: 0,10mm ± 0.02 - Lượng bột: Max 10mg/dm ² - Nguyên liệu: Cao su tự nhiên, loại cao cấp, có phủ bột chống dính, bột ngô theo tiêu chuẩn USPXX1 - Thiết kế thuận cho cả 2 tay, mịn và có viền ở cổ tay.		Găng tay khám (có bột chống dính) size S, M, L	- Chiều ngang lòng bàn tay (± 3mm): Size XS: 76mm, S: 84mm, M: 94mm, L: 105mm, XL: 113 - Độ dày: Ngón tay: 0,10mm ± 0.02, lòng bàn tay: 0,10mm ± 0.02 - Lượng bột: Max 10mg/dm ² - Nguyên liệu: Cao su tự nhiên, loại cao cấp, có phủ bột chống dính, bột ngô. - Thiết kế thuận cho cả 2 tay, mịn và có viền ở cổ tay.	
218	G5.218		Găng tay y tế với chất liệu làm từ cao su tự nhiên chất lượng cao mang lại cảm giác chắc chắn, thoải mái, vừa vặn và bám dính tối ưu nhờ vào tính chất đàn hồi của nó. Găng thiết kế để có thể đeo được cả 2 tay trái và phải, bề mặt trơn mịn, sử dụng một lần. Bên trong có bột ngô hấp thụ (USPXX1), không vô trùng.			Găng tay y tế với chất liệu làm từ cao su tự nhiên chất lượng cao mang lại cảm giác chắc chắn, thoải mái, vừa vặn và bám dính tối ưu nhờ vào tính chất đàn hồi của nó. Găng thiết kế để có thể đeo được cả 2 tay trái và phải, bề mặt trơn mịn, sử dụng một lần. Bên trong có bột ngô hấp thụ, không vô trùng.	
219	G5.219			tiêu chuẩn FDA K0101198, EC MY14/01387, ISO 9001:2008 No.MY00/51149. ISO 13485:2003			FDA, ISO 9001:2008; ISO 13485:2003

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
220	G5.220			Tiêu chuẩn FDA K0101198, EC MY14/01387, ISO 9001:2008 No.MY00/51149. ISO 13485:2003 No.MY00/51448			FDA, EC, ISO 9001:2008 ISO 13485:2003
222	G5.222			. Tiêu chuẩn chất lượng AQL: 1.5, GMP; EC G2 15 02 557 29 008, FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012+AC:2 012; ISO 14001:2004			AQL: 1.5, GMP; EC, FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012+AC:2 012; ISO 14001:2004
224	G5.224		Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm hai lần nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố và các tác nhân gây dị ứng. Công nghệ lột nước được áp dụng trên hệ thống nhúng găng tự động. Các chất sử dụng để pha chế latex nhập từ các công ty nổi tiếng thế giới, đạt tiêu chuẩn dùng cho ngành y tế và theo tiêu chuẩn FDA. Găng có phủ bột ngô biến tính (loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ). Hàm lượng Protein nhỏ hơn 200µg/g; Chế độ kiểm tra 100% từng chiếc sau khi được đóng dấu tên người kiểm tra;			Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm hai lần nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố và các tác nhân gây dị ứng. Công nghệ lột nước được áp dụng trên hệ thống nhúng găng tự động. Các chất sử dụng để pha chế latex nhập từ các công ty nổi tiếng thế giới, đạt tiêu chuẩn dùng cho ngành y tế và theo tiêu chuẩn FDA. Găng có phủ bột ngô biến tính (loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn). Hàm lượng Protein nhỏ hơn 200µg/g; Chế độ kiểm tra 100% từng chiếc sau khi được đóng dấu tên người kiểm tra;	
227	G5.227	Phim XQ khô DT2B DMF 8"x10"			Phim XQ khô 8"x10"		
228	G5.228	Phim X-Quang số hóa DVE 20x25 cm			Phim X-Quang số hóa 20x25 cm		
229	G5.229	Phim X-Quang số hóa DVE 25x30 cm			Phim X-Quang số hóa 25x30 cm		
230	G5.230	Phim X-Quang số hóa DVE 35x43 cm			Phim X-Quang số hóa 35x43 cm		

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
231	G5.231	Phim khô y tế DI-HL cỡ 35x43 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất	ISO 13485:2003; EC
232	G5.232	Phim khô y tế DI-HL cỡ 25x30 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim khô Laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 25x30 cm	Phim khô Laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC
233	G5.233	Phim khô y tế DI-HL cỡ 20x25 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC
234	G5.234	Phim khô y tế DI-HT cỡ 35x43 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC
235	G5.235	Phim khô y tế DI-HT cỡ 26x36 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim nhiệt khô cỡ 26x36 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 26x36 cm	Phim nhiệt khô cỡ 26x36 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC
236	G5.236	Phim khô y tế DI-HT cỡ 20x25 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC
237	G5.237	Phim khô y tế SD-Q 14x17 inch	Phim khô Laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Được thiết kế các lớp đệm từ vùng mật độ thấp đến vùng mật độ cao.	ISO 13485, 9001	Phim khô y tế 14x17 inch	Phim khô Laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica hoặc tương đương. Được thiết kế các lớp đệm từ vùng mật độ thấp đến vùng mật độ cao.	ISO 13485, 9001

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
239	G5.239	Phim XQ khô DIHL 8"x10"	Phim khô DIHL 20 x25 cm - Phim MFS X-ray Green có độ tương phản và độ sắc nét cao - Nhũ ảnh T-Grain mang lại khả năng hiển thị cao tới từng chi tiết.		Phim XQ khô 8"x10"	Phim khô 20 x25 cm - Phim MFS X-ray Green có độ tương phản và độ sắc nét cao - Nhũ ảnh T-Grain mang lại khả năng hiển thị cao tới từng chi tiết.	
240	G5.240	Phim XQ khô DI-HT 8"x10"	Phim khô DI-HT 20 x25 cm	ISO 13485:2003, EC: 76910CE01, CO, CQ	Phim XQ khô 8"x10"	Phim khô 20 x25 cm	ISO 13485:2003, EC, CO, CQ
246	G5.246	Phim khô Laser Trimax TXE cỡ 8"x10'	Phim in laser Trimax TXE kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao từ phim xanh. Cung cấp khả năng chụp ảnh x quang chuyên môn với yêu cầu cao. Độ nhiễu thấp, mật độ đồng nhất cao, giúp cho các chẩn đoán có độ chính xác cao. Nạp phim dễ dàng - Hộp phim Trimax có thể nạp dễ dàng bằng cartridge dưới điều kiện ánh sáng thường. Thời gian lưu trữ cho các phim đã in lên đến trên 100 năm. Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-mil polyester. Có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC) hiệu chỉnh hệ thống Trimax để tối ưu chất lượng và đảm bảo độ tương phản hình ảnh đúng với các yêu cầu mà người dùng đã cài đặt sẵn. Hệ thống này hoạt động độc lập không cần sự can thiệp của con người giúp nâng cao năng suất. Lưu trữ phim tránh ánh sáng ở nhiệt độ từ 39 đến 75 độ F (4 đến 24 độ C) tại 30 đến 50% RH.		Phim khô Laser cỡ 8"x10'	Phim in laser kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao từ phim xanh. Cung cấp khả năng chụp ảnh x quang chuyên môn với yêu cầu cao. Độ nhiễu thấp, mật độ đồng nhất cao, giúp cho các chẩn đoán có độ chính xác cao. Nạp phim dễ dàng - Hộp phim Trimax có thể nạp dễ dàng bằng cartridge dưới điều kiện ánh sáng thường. Thời gian lưu trữ cho các phim đã in lên đến trên 100 năm. Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-mil polyester. Có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC) hiệu chỉnh hệ thống Trimax để tối ưu chất lượng và đảm bảo độ tương phản hình ảnh đúng với các yêu cầu mà người dùng đã cài đặt sẵn. Hệ thống này hoạt động độc lập không cần sự can thiệp của con người giúp nâng cao năng suất. Lưu trữ phim tránh ánh sáng ở nhiệt độ từ 39 đến 75 độ F (4 đến 24 độ C) tại 30 đến 50% RH.	
249	G5.249		- Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ, tranducer protector, túi xả và dây truyền dịch - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 330mm - Thiết kế Chamber bầu chéo, đường kính bầu OD: 19-30mm, dài 130mm - Đường kính ống dây chính: ID*OD: 4,5*6,8 - Sản xuất từ chất liệu PVC - Thành bộ dây trong suốt, mềm dẻo, giúp cho quan sát tốt lưu lượng máu đi qua bộ dây - Bộ dây đàn hồi hạn chế thắt nút hoặc bị xoắn - GPLH: 05/2017/BYT-TB-CT - Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015	Số GPLH: 05/2017/BYT-TB-CT		- Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ, tranducer protector, túi xả và dây truyền dịch - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 330mm - Thiết kế Chamber bầu chéo, đường kính bầu OD: 19-30mm, dài 130mm - Đường kính ống dây chính: ID*OD: 4,5*6,8 - Sản xuất từ chất liệu PVC - Thành bộ dây trong suốt, mềm dẻo, giúp cho quan sát tốt lưu lượng máu đi qua bộ dây - Bộ dây đàn hồi hạn chế thắt nút hoặc bị xoắn - Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015	
250	G5.250			ISO 13485: 2003 EN ISO 13485:2012 31309101; EC 2195-MED- 1309101			ISO 13485: 2003 EN ISO 13485:2012 ; EC

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
251	G5.251			ISO 13485: 2003 EN ISO 13485:2012 31309101; EC 2195-MED- 1309101			ISO 13485: 2003 EN ISO 13485:2012 ; EC
252	G5.252			Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - 0434 (5262-2014-CE-IND-NA)			Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE
256	G5.256	Kim chọc dò gây tê tùy sống KD- FINE các số 18, 20, 22, 25G,27G		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 Q1N 15 05 37875 035 EC G1 14 03 37875 032	Kim chọc dò gây tê tùy sống các số 18, 20, 22, 25G,27G		EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, EC
257	G5.257			ISO 13485:2016 (TUV số Q5 0323170014 Rev.00) EC (TUV Số G1 160624213125)			ISO 13485:2016; EC ;
259	G5.259			CE 01487,ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012,UNE- EN ISO 13485: 2013			CE ,ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012,UNE- EN ISO 13485: 2013
260	G5.260			NS-EN ISO- 13485:2012 (DNV số 248019CC3- 2017-AQ-IND- NA-PS Rev.); EC (DNV số 11322-2017-CE- IND-NA-PS Rev. 1.0); CFS			NS-EN ISO- 13485:2012 ; EC ; CFS

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
268	G5.268		Kim vát, dạng ống, làm bằng thép không rỉ nên khi tiêm vào tĩnh mạch dễ dàng, không đau buốt. Với hình dạng côn theo thiết kế mới, giúp cho việc chèn vào mạch máu dễ dàng và nhanh chóng. Cấu tạo : chân kim và cánh kim làm từ PP, ống thông làm từ FEP, Kim: SS304, các số G18, 20, 22 - Hiệu Primaflon			Kim vát, dạng ống, làm bằng thép không rỉ nên khi tiêm vào tĩnh mạch dễ dàng, không đau buốt. Với hình dạng côn theo thiết kế mới, giúp cho việc chèn vào mạch máu dễ dàng và nhanh chóng. Cấu tạo : chân kim và cánh kim làm từ PP, ống thông làm từ FEP, Kim: SS304, các số G18, 20, 22.	
269	G5.269			NS-EN ISO-13485:2012 (DNV số 248019CC3-2017-AQ-IND-NA-PS Rev.); EC (DNV số 11322-2017-CE-IND-NA-PS Rev. 1.0); CFS			NS-EN ISO-13485:2012 ; EC ; CFS
270	G5.270			EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu, Bảng sáng chế: 1-0016123 (Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam)			EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu,
271	G5.271	Kim luôn tĩnh mạch an toàn trẻ em (INTROCAN SAFETY)	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Có vách ngăn chống máu trào ngược, sử dụng nhiều lần - Đầu kim vát 3 mặt (Tạo độ bén tối ưu) - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu PUR - Độ dài Trim Length < 1mm theo ISO 10555, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh - Kim luôn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Có chứng nhận EN ISO 13485:2012 - Chứng nhận CE - Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) 	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu, Bảng sáng chế: 1-0016123 (Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam)	Kim luôn tĩnh mạch an toàn trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Có vách ngăn chống máu trào ngược, sử dụng nhiều lần - Đầu kim vát 3 mặt (Tạo độ bén tối ưu) - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu PUR - Độ dài Trim Length < 1mm theo ISO 10555, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh - Kim luôn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Có chứng nhận EN ISO 13485:2012 - Chứng nhận CE 	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
272	G5.272			ISO 13485:2016, DIN EN ISO 13485-2016 (TUV Số Q5 180126056024); ISO 14001 (DNV Số 240647-2017- AE-ITA- ACCREDIA), EC (Số QPZ-1899-17)			ISO 13485:2016, DIN EN ISO 13485-2016 ; ISO 14001, EC
273	G5.273			ISO 13485:2012+AC: 2012 (TUV) có số ĐK: 04221041335; CE - Châu Âu, FSC số chứng nhận: 20634			ISO 13485:2012+AC: 2012 (TUV); CE - Châu Âu
274	G5.274	Kim luồng tĩnh mạch TEFLO		Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - 0434 (5262-2014-CE- IND-NA), 2460 (11168-2017- CE-IND-NA-PS Rev. 0.0)	Kim luồng tĩnh mạch		Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Catheter: Poly Tetra Fluoro Ethylene - Kim: Thép không gỉ của Nhật (AISI 304) - Kim tráng bằng silicon - Có 4 đường cân quang ngầm - có khả năng lưu kim đến 96 giờ - Có cánh, có cổng bơm thuốc - Cánh kim luồn mềm dẻo được thiết kế với góc 6° - Size/ Ext. Dia. x Length mm: 			<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Catheter: Poly Tetra Fluoro Ethylene - Kim: Thép không gỉ. - Kim tráng bằng silicon - Có 4 đường cân quang ngầm - có khả năng lưu kim đến 96 giờ - Có cánh, có cổng bơm thuốc - Cánh kim luồn mềm dẻo được thiết kế với góc 6° - Size/ Ext. Dia. x Length mm: 	
277	G5.277	Kim luồn tĩnh mạch Primaflon các số	<ul style="list-style-type: none"> G16/ 1,7 x 45, tốc độ dòng chảy: 200 ml/phút G17/ 1,5 x 45, tốc độ dòng chảy: 140 ml/phút G18/ 1,3 x 45, tốc độ dòng chảy: 95 ml/phút G24/ 0,7 x 19, tốc độ dòng chảy: 20 ml/phút G26/ 0,6 x 19, tốc độ dòng chảy: 15 ml/phút G20/ 1,1 x 32, tốc độ dòng chảy: 62ml/phút G22/ 0,9 x 25, tốc độ dòng chảy: 33 ml/phút - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 . ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008.EC 		Kim luồn tĩnh mạch các số	<ul style="list-style-type: none"> G16/ 1,7 x 45, tốc độ dòng chảy: 200 ml/phút G17/ 1,5 x 45, tốc độ dòng chảy: 140 ml/phút G18/ 1,3 x 45, tốc độ dòng chảy: 95 ml/phút G24/ 0,7 x 19, tốc độ dòng chảy: 20 ml/phút G26/ 0,6 x 19, tốc độ dòng chảy: 15 ml/phút G20/ 1,1 x 32, tốc độ dòng chảy: 62ml/phút G22/ 0,9 x 25, tốc độ dòng chảy: 33 ml/phút - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008.EC 	
278	G5.278			EN ISO 13485: 2012 + AC 2012 CF:1249GB438160 513			EN ISO 13485: 2012 + AC 2012
292	G5.292		<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) dùng kháng đông cho 2ml. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Có chứng nhận Sắc Ký Hải Đăng Phiếu TN ĐK PL số: 170001020/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) dùng kháng đông cho 2ml. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế 	
293	G5.293		<ul style="list-style-type: none"> * Ống nghiệm nhựa PP 5ml,kích thước 12x75mm. trung tính, Nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển giúp thuận lợi trong quá trình thao tác, thiết kế phù hợp máy tự động. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Có chứng nhận Sắc Ký Hải Đăng * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Ống nghiệm nhựa PP 5ml,kích thước 12x75mm. trung tính, Nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển giúp thuận lợi trong quá trình thao tác, thiết kế phù hợp máy tự động. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
294	G5.294		<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75 mm. Nắp màu đỏ. * Giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. * Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Có chứng nhận Sắc Ký Hải Đăng * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75 mm. Nắp màu đỏ. * Giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. * Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	
295	G5.295		<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp màu đen. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Có chứng nhận Sắc Ký Hải Đăng * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp màu đen. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	
296	G5.296		<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp màu xanh lá cây. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Có chứng nhận Sắc Ký Hải Đăng * Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nắp màu xanh lá cây. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 	
297	G5.297		<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
298	G5.298		<ul style="list-style-type: none"> * Thẻ tích 5ml. kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong, không nắp, có nhãn dán trên ống để ghi chú thông tin. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP 			<ul style="list-style-type: none"> * Thẻ tích 5ml. kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong, không nắp, có nhãn dán trên ống để ghi chú thông tin. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP 	
299	G5.299		<ul style="list-style-type: none"> * Thẻ tích 5ml. kích thước ống nghiệm 12x75mm (cho thẻ tích 5ml) * Ống nghiệm được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Nắp dạng ấn trong 2 tầng màu trắng đục có nhãn dán trên ống để ghi chú thông tin. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001939/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Thẻ tích 5ml. kích thước ống nghiệm 12x75mm (cho thẻ tích 5ml) * Ống nghiệm được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Nắp dạng ấn trong 2 tầng màu trắng đục có nhãn dán trên ống để ghi chú thông tin. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	
300	G5.300		<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001938/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	
301	G5.301		<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Tiệt trùng bằng tia Gamma. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 Phiếu TN ĐK PL số: 170001938/PCBA-HCM 			<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Tiệt trùng bằng tia Gamma. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016 	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
302	G5.302		<ul style="list-style-type: none"> * Đĩa được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với hóa chất chứa bên trong, đường kính 90mm và chiều cao 15mm. * Được tiệt trùng bằng tia Gamma. * Đóng Gói theo Quy Cách 10 cái/Túi PE * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 của Italia cấp. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016; 			<ul style="list-style-type: none"> * Đĩa được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với hóa chất chứa bên trong, đường kính 90mm và chiều cao 15mm. * Được tiệt trùng bằng tia Gamma. * Đóng Gói theo Quy Cách 10 cái/Túi PE * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016; 	
305	G5.305	Sonde Foley 2 nhánh các số	Chất liệu cao su thiên nhiên trắng silicon trơn mềm, có sợi Chrom tăng cứng. Bóng Silicon dai không vỡ, dung tích bóng từ 3ml -30ml, van nhựa, không có DEHP, không dị ứng, sản xuất theo công nghệ Châu Âu. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc			Chất liệu cao su thiên nhiên trắng silicon trơn mềm, có sợi Chrom tăng cứng. Bóng Silicon dai không vỡ, dung tích bóng từ 3ml -30ml, van nhựa, không có DEHP, không dị ứng, sản xuất theo công nghệ Châu Âu. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc.	ISO 13485:2003; EN ISO 13485:2012, EC
306	G5.306	Sonde Foley 3 nhánh các số	Chất liệu cao su thiên nhiên trắng silicon trơn mềm, có sợi Chrom tăng cứng. Bóng Silicon dai không vỡ, dung tích bóng từ 3ml -30ml, van nhựa, không có DEHP, không dị ứng, sản xuất theo công nghệ Châu Âu. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc			Chất liệu cao su thiên nhiên trắng silicon trơn mềm, có sợi Chrom tăng cứng. Bóng Silicon dai không vỡ, dung tích bóng từ 3ml -30ml, van nhựa, không có DEHP, không dị ứng, sản xuất theo công nghệ Châu Âu. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc.	ISO 13485:2003; EN ISO 13485:2012, EC
373	G5.373	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng NOVOCENT duo			Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng		
374	G5.374	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng NOVOCENT trio			Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng		
381	G5.381			Chứng chỉ EC số 06 0492 QS/NB ISO 13485:2003			EC, ISO 13485:2003
383	G5.383			Chứng chỉ EC số 06 0492 QS/NB ISO 13485:2003			EC, ISO 13485:2003
384	G5.384			Chứng chỉ EC số 06 0492 QS/NB ISO 13485:2003			EC, ISO 13485:2003

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
388	G5.388	Thủy tinh thể nhân tạo C-Flex (loại mềm)			Thủy tinh thể nhân tạo (loại mềm)		
389	G5.389	Chất nhầy Catagel 2ml		Chứng chỉ EC số 11 1078 QS/NB EN ISO 13485:2012	Chất nhầy 2ml		EC; EN ISO 13485:2012
390	G5.390	Chất nhuộm bao Mede Blu			Chất nhuộm bao		
391	G5.391	Thủy tinh thể nhân tạo micropure 123 (loại mềm)			Thủy tinh thể nhân tạo (loại mềm)		
392	G5.392	Thủy tinh thể nhân tạo mềm AS6025C	loại mềm		Thủy tinh thể nhân tạo mềm		
393	G5.393	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Bioline Yellow Bluelight	loại mềm		Thủy tinh thể nhân tạo mềm		
394	G5.394	Thuốc nhuộm bao Omniblue			Thuốc nhuộm bao		
395	G5.395	Dịch nhầy i-Visc 2.0			Dịch nhầy		
396	G5.396	Thủy tinh thể Sensor 1 AAB00			Thủy tinh thể		
397	G5.397	Thủy tinh thể nhân tạo mềm SlimFlex kèm dụng cụ đặt nhân			Thủy tinh thể nhân tạo mềm (kèm dụng cụ đặt nhân)		
399	G5.399	CT Lucia 611PY		CE 263168 MR2 ISO 13485: 263168 MP2012 Free sale MD 18-068	Thủy tinh thể nhân tạo (loại mềm)		CE; ISO 13485: 263168 ;
451	G5.451	Giấy thử sinh học CO130 LF			Giấy thử sinh học		
457	G5.457	Bộ rửa dạ dày HTK		CE No. Q1N 13 04 73283 015	Bộ rửa dạ dày		CE; ISO
466	G5.466	Huyết áp đồng hồ ALPK2			Huyết áp đồng hồ		
467	G5.467	Ống nghe ALPK2			Ống nghe		

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
482	G5.482			ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC:4106-2007			ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC
483	G5.483			ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC:4106-2007			ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC
501	G5.501	Bao cao su Happy		ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485: 2003	Bao cao su		ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485: 2003
537	G5.537	Túi hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp 75 mm x 70 m	Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek được sản xuất trên dây chuyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng của Mỹ "Dupont ". Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.			Túi hấp tiệt trùng y tế là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế được sản xuất trên dây chuyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng . Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad hoặc tương đương. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
538	G5.538	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 150 mm x 70 m	<p>Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng của Mỹ “Dupont”. Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.</p>			<p>Túi hấp tiệt trùng y tế là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng. Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad hoặc tương đương. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.</p>	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
539	G5.539	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 200 mm x 70 m	Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng của Mỹ "Dupont ". Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.			Túi hấp tiệt trùng y tế là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng . Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad hoặc tương đương. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.	

STT HSMT	Mã hàng hóa theo HSMT	Nội dung đã ghi trong HSMT theo Quyết định số 566/QĐ-SYT			Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 612/QĐ-SYT		
		Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng
540	G5.540	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 350 mm x 700 mm	<p>Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế Tyvek được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng của Mỹ “Dupont”. Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.</p>			<p>Túi hấp tiệt trùng y tế là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiệt trùng y tế cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng, tiệt trùng ở lại trong suốt vòng đời của chúng. Túi hấp tiệt trùng y tế được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao và hiện đại. Các sản phẩm trải qua các quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan trong lĩnh vực bao gói y tế như: Tiêu chuẩn Châu Âu EN 868 , ISO 13485, ISO 11607, MDA. Lớp giấy và phim được nhập khẩu từ hãng giấy nổi tiếng . Chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho phương pháp tiệt khuẩn: PLASMA. Tương thích với máy Sterrad hoặc tương đương. Dùng để đựng y dụng cụ cần phải hấp tiệt trùng. Chuyển màu rõ rệt và chính xác, dễ sử dụng. Xác định gói y dụng cụ đã qua hấp tiệt trùng hay chưa Bằng các vạch chỉ thị chuyển màu được in dọc theo mép hàn của túi Plasma: Chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu.</p>	